BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

ĐỘNG LỰC TĂNG CHƯA ĐƯỢC XÁC NHẬN, TIẾP TỤC TÌM VÙNG CÂN BẰNG

27/07/2026

VN-Index	**1686.11 (-0.78%)**
636 Tr. cổ phiếu	13999.1 Tỷ VND (-30.67%)
HNX-Index	**272.99 (-2.87%)**
48 Tr. cổ phiếu	752.5 Tỷ VND (-31.82%)
UPCOM-Index	**125.89 (0.29%)**
32 Tr. cổ phiếu	335.1 Tỷ VND (-26.14%)
VN30F1M	**1835.00 (-0.42%)**
214,911 HD	OI: 35,616 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2025 các chỉ số

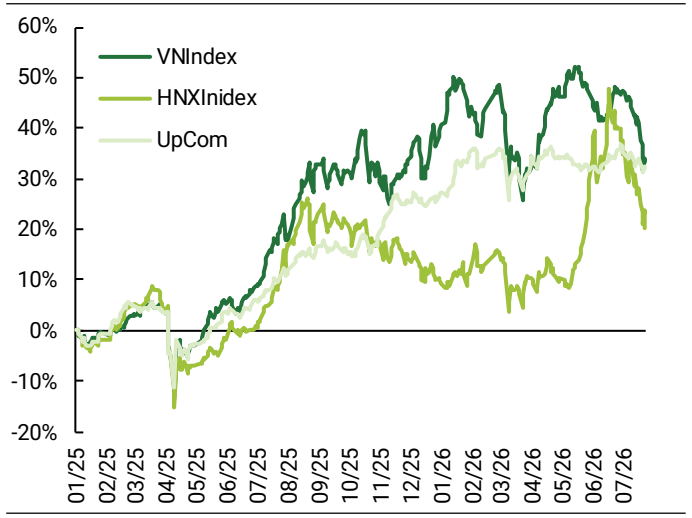

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1686.1, giảm -13.3 điểm (-0.78%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Thị trường trở lại giao dịch thận trọng trước thông tin mới về thuế quan. Trong khi đó, đà tăng đến từ nhóm Dầu khí, dõi theo sự phục hồi của giá dầu thế giới.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Dầu khí: PLX (+1.2%), PVD (+2.7%), BSR (+2.8%) l Điện, nước & xăng dầu khí đốt: BWE (+0.5%), GAS (+0.6%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: DIG (-4.6%), DXG (-4.3%), HDC (-4.1%) l Ngân hàng: TCB (-2.2%), OCB (-1.9%), LPB (-1.7%) l Bán lẻ: PNJ (-7.0%), MWG (-5.0%) l Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (-5.6%), GEE (-4.6%), TDP (-3.8%) l Dịch vụ tài chính: FTS (-6.1%), CTS (-5.5%), VDS (-5.1%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | BSR, STB, VNM, GAS, VCB - Chiều giảm | VHM, VIC, TCX, MWG, TCB.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 1300 tỷ đồng, tập trung nhiều ở PNJ, VIX, VHM, trong khi mua ròng HPG, VNM, VJC.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** đóng cửa với mẫu hình nến giằng co Spinning Top và đã không duy trì được đà tăng so với phiên hôm trước. Điều này hàm ý phản ứng bật tăng từ ngưỡng hỗ trợ 1650 điểm chưa được xác nhận và xu hướng điều chỉnh vẫn đang chiếm ưu thế. Ở kịch bản tích cực, nếu chỉ số bứt phá và giữ vững trên ngưỡng 1710 điểm sẽ củng cố hơn cho nhịp hồi hướng đến kiểm định vùng cản 1750 điểm. Trái lại, nếu lực cung tiếp tục chiếm ưu thế và chỉ số đánh mất ngưỡng 1660 điểm, đà giảm sẽ mở rộng hơn, với mốc 1600 điểm là hỗ trợ cần chú ý tiếp theo. Đây khả năng là vùng có thể xuất hiện việc hình thành đáy hai với trạng thái phân kỳ dương chỉ báo, có độ tin cậy cao hơn.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số phủ định hoàn toàn đà tăng phiên hôm trước và điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ quanh MA100 ngày, ứng với ngưỡng 270 điểm. Giao dịch khả năng tiếp tục giằng co kiểm định cung cầu quanh đây.
- **Chiến lược:** Nhà đầu tư có thể đưa các cổ phiếu mục tiêu vào danh sách theo dõi, nhưng nên ưu tiên chờ thêm tín hiệu xác nhận về điểm cân bằng của thị trường trước khi giải ngân. Các nhịp phục hồi hiện tại nhiều khả năng vẫn mang tính kỹ thuật, do đó việc mua đuổi hoặc bắt đáy sớm sẽ tiềm ẩn rủi ro nếu lực cầu chưa đủ mạnh để xác nhận sự trở lại của xu hướng tăng. Tỷ trọng tổng thể nên tiếp tục duy trì ở mức an toàn.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Phái sinh (trang 08)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,686.1	**-0.8%**	-5.7%	-10.2%	13,999.1	**-30.7%**	20.0%	-23.1%	635.6	**-32.7%**	45.4%	0.2%
HNX-Index	273.0	**-2.9%**	-6.4%	-14.2%	752.5	**-31.8%**	15.8%	-22.6%	47.6	**-31.5%**	17.3%	-17.4%
UPCOM-Index	125.9	0.3%	-1.2%	-1.2%	335.1	**-26.1%**	41.7%	-37.2%	31.7	**-3.0%**	39.7%	8.5%
VN30	1,829.4	**-0.9%**	-5.3%	-9.0%	7,613.6	**-37.1%**	7.0%	-29.8%	237.2	**-42.1%**	18.1%	-13.9%
VNMID	1,845.8	**-1.4%**	-6.6%	-12.9%	5,193.7	**-20.0%**	43.3%	-15.0%	279.3	**-25.1%**	54.7%	-3.3%
VNSML	1,218.8	**-0.8%**	-4.8%	-9.1%	494.9	**-42.3%**	-15.4%	-37.8%	41.6	**-31.2%**	-6.3%	-22.9%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	597.1	**-0.4%**	-5.74%	-7.9%	3,963.2	**-44.1%**	-45.4%	-27.1%	187.4	**-41.2%**	-36.8%	-19.4%
Bất động sản	926.4	**-0.7%**	-4.5%	-10.1%	1,988.0	**-35.7%**	-32.5%	-32.6%	83.5	**-34.7%**	-27.6%	-7.8%
Dịch vụ tài chính	279.2	**-3.2%**	-6.5%	-10.6%	1,511.5	**-56.7%**	-43.2%	-43.7%	85.9	**-54.7%**	-42.0%	-35.2%
Công nghiệp	219.9	**-1.7%**	-8.6%	-15.5%	862.2	**-34.6%**	-16.3%	-3.8%	41.2	**-19.8%**	-0.5%	34.8%
Tài nguyên cơ bản	459.9	**-0.2%**	-4.9%	-10.8%	524.4	**-43.0%**	-40.8%	-14.7%	29.3	**-43.0%**	-38.9%	-10.3%
Xây dựng - Vật Liệu	148.5	**-1.6%**	-5.8%	-11.6%	366.0	**-31.8%**	-37.1%	-38.3%	24.2	**-20.6%**	-29.1%	-22.5%
Thực phẩm	473.9	**0.0%**	-2.6%	-0.9%	816.4	**-13.5%**	-26.3%	-26.8%	25.2	**2.8%**	-11.8%	2.4%
Bán Lẻ	1,269.7	**-4.0%**	-9.5%	-11.5%	413.3	**-45.3%**	-44.6%	-22.7%	6.2	**-44.3%**	-46.1%	-21.1%
Công nghệ	344.2	**-2.6%**	-6.1%	-11.1%	540.5	**26.3%**	-6.2%	-13.0%	9.8	**30.5%**	-9.4%	-5.6%
Hóa chất	143.7	**-2.5%**	-10.2%	-17.9%	218.4	**-46.4%**	-31.9%	-27.0%	9.2	**-33.9%**	-25.5%	-15.9%
Tiện ích	675.1	0.2%	-6.9%	-9.4%	308.7	**-5.0%**	-20.2%	-20.5%	17.9	**9.4%**	7.2%	-5.4%
Dầu khí	97.1	**2.4%**	-3.6%	-6.5%	384.8	**51.5%**	2.52%	-29.8%	16.1	**44.9%**	0.5%	-17.8%
Dược phẩm	380.6	**-0.7%**	-2.6%	-5.6%	23.5	**-49.7%**	-46.0%	-38.2%	1.1	**-28.2%**	-39.9%	-31.4%
Bảo hiểm	91.3	**-0.2%**	-4.5%	-10.1%	13.0	**-26.5%**	-35.5%	-53.9%	0.4	**-24.4%**	-30.4%	-45.3%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,686.1	-0.78%	-5.5%	13.9x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,644	0.20%	30.5%	17.3x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,196	-1.88%	-28.3%	15.1x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,590	-0.54%	2.3%	15.7x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,281	-0.03%	3.8%	9.6x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,814	-1.61%	-3.9%	19.4x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,963	-0.98%	-2.6%	13.0x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	64,611	-2.73%	28.4%	24.2x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,408	-1.21%	8.2%	27.3x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,712	-0.97%	7.6%	24.9x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,657	0.17%	7.3%	15.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,249	0.62%	7.9%	17.8x	2.5x
DXY		101.4	0.27%	3.1%		
USDVND		26,324	0.038%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	-3.3%	32.0%	60.0%	40.7%
Dầu WTI	-2.9%	27.3%	55.9%	35.6%
Khí gas	-0.8%	-10.2%	-21.5%	-6.5%
Than cốc (*)	0.0%	0.0%	24.3%	44.4%
Thép HRC (*)	-0.2%	-1.7%	0.5%	-5.4%
PVC (*)	0.8%	4.0%	2.0%	-11.3%
Phân Urea (*)	0.0%	-9.3%	-1.0%	-13.6%
Cao su thiên nhiên	-1.0%	-2.6%	20.6%	25.0%
Bông Cotton	-1.3%	9.3%	22.6%	17.0%
Đường	-0.9%	8.5%	-3.0%	-12.1%
World Container Index	-3.8%	10.2%	97.7%	73.7%
Baltic Dirty tanker Index	4.3%	16.3%	89.7%	183.0%
Vàng	0.14%	1.4%	-6.1%	20.4%
Bạc	1.27%	1.6%	-18.6%	49.3%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

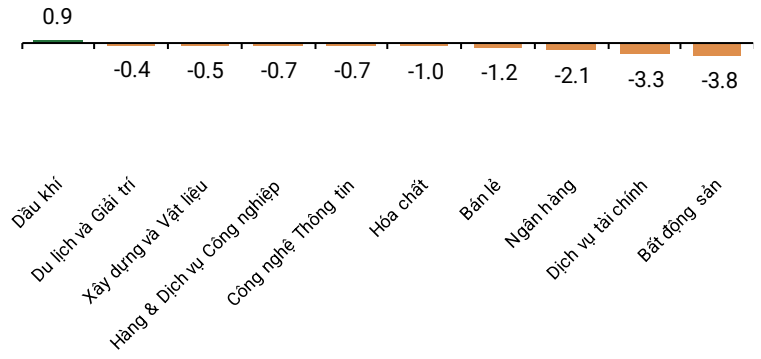

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

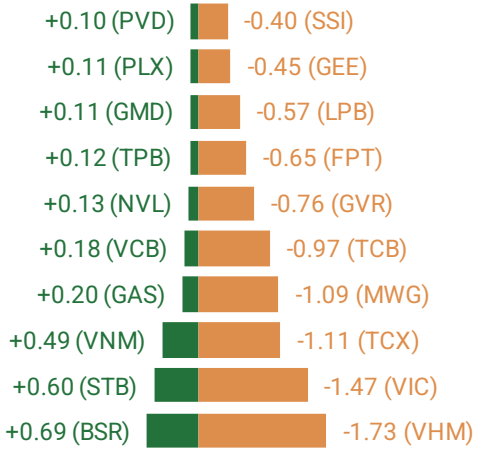

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

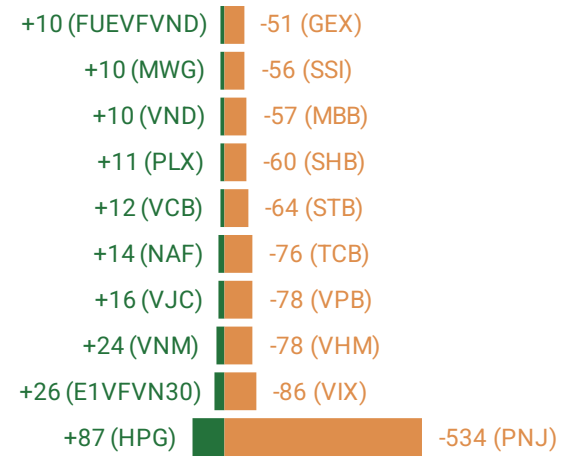

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

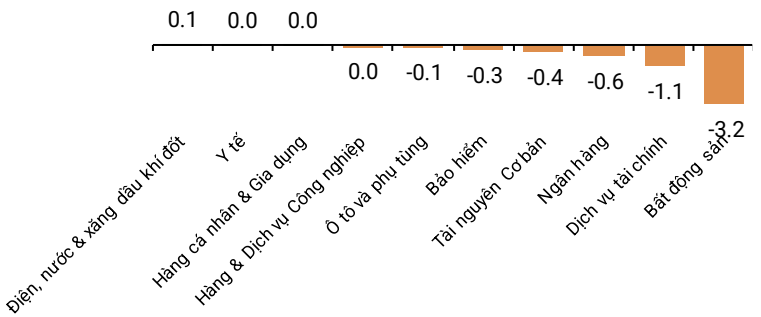

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

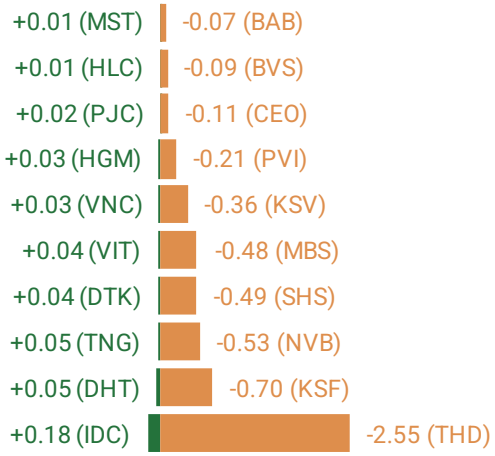

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

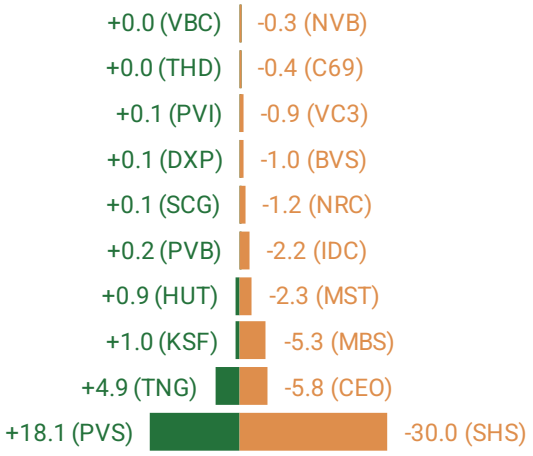

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

	PNJ	VIC	SHB	VIX	STB
%DoD	-7.0%	-0.4%	-1.7%	-3.5%	2.1%
Giá trị	1,273	554	534	484	448

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

	VJC	VBB	VSC	FPT	POW
%DoD	-0.2%	0.0%	-5.6%	-2.8%	-1.5%
Giá trị	445	283	228	145	140

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)

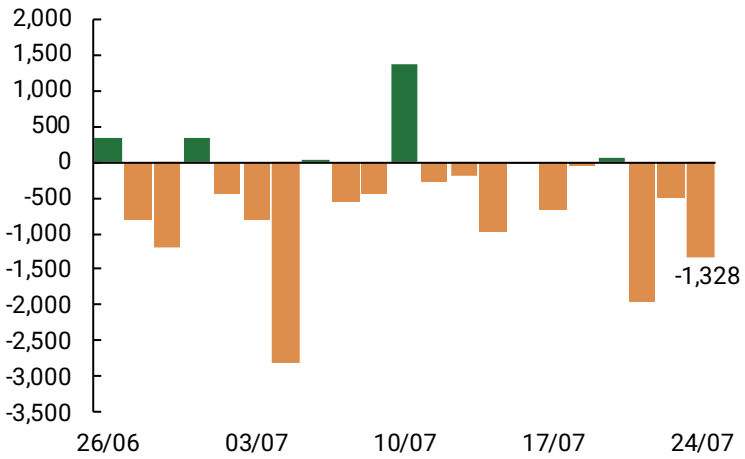

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX

	SHS	MBS	PVS	CEO	VC3
%DoD	-5.6%	-4.1%	-0.3%	-2.5%	-1.6%
Giá trị	166	97	91	49	38

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX

	HUT	GLT	ADC	ADC	ADC
%DoD	-0.7%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Giá trị	28	1	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)

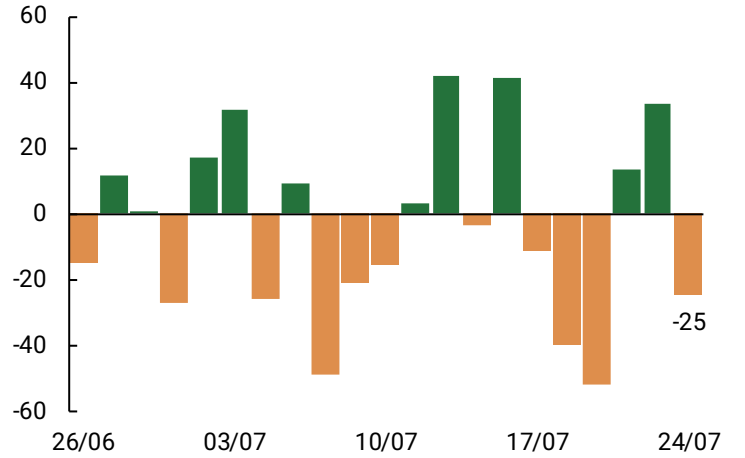

Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Spinning top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 l 1650.
- ✓ Kháng cự: 1750 l 1800.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index chưa thể lấy lại ngưỡng 1700 điểm cho thấy lực cung vẫn chi phối và phản ứng bật tăng phiên trước chưa được xác nhận. Ở kịch bản tích cực, chỉ số có thể tiếp tục rung lắc quanh vùng 1670 – 1700 để tái tạo vùng cân bằng và thúc đẩy nhịp hồi về khu vực cản 1740 điểm. Trái lại, dấu hiệu suy yếu dưới ngưỡng 1660 điểm sẽ phát rủi ro mở rộng đà giảm về vùng hỗ trợ thấp hơn, quanh mốc 1600 điểm.

Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 l 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900 l 1960.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số trở lại giằng co trong biên hẹp, thanh khoản cũng sụt giảm về mức thấp cho thấy sự lưỡng lự. Việc VN30 vượt trên ngưỡng 1850 sẽ củng cố hơn cho nhịp phục hồi hướng về vùng cản 1900 - 1920. Chiều ngược lại, nếu lực cầu vẫn suy yếu, đà giảm có thể tiếp tục mở rộng về khu vực thấp hơn, quanh mốc 1780 – 1800 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

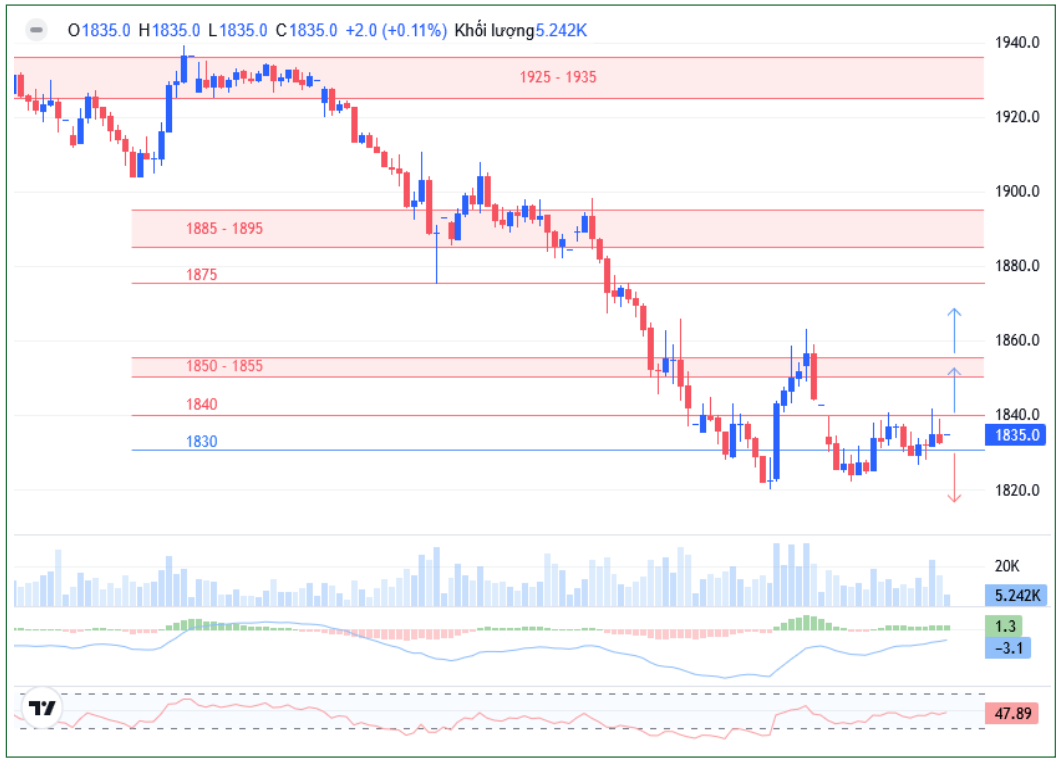

Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1835, giảm 7.7 điểm (+0.4%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 15 phút,** chỉ báo MACD có cải thiện đà đi lên nhưng vẫn vận động trong miền âm, trong khi RSI chưa phục hồi lên trên ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chi phối. Giá khả năng tiếp tục rung lắc kiểm định thêm vùng 1830 – 1840. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 1842, có thể gia tăng nếu giá tiếp tục giữ trên ngưỡng 1862. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1826.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1756, giảm 6.0 điểm (-0.3%). Độ lệch basis 4.5 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 32 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1745 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1775 điểm.

Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1842	1856	1835	14 : 7
Long	> 1862	1876	1855	14 : 7
Short	< 1826	1814	1833	12 : 7

Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H3000	1,835.0	-4.7	8	37	1,847.4	-12.4	18/03/2027	237
41I1GC000	1,830.0	-15.4	24	845	1,840.4	-10.4	17/12/2026	146
41I1G9000	1,836.2	-7.8	377	1,189	1,833.5	2.7	17/09/2026	55
41I1G8000	1,835.0	-7.7	214,911	35,616	1,831.4	3.6	20/08/2026	27
41I2G8000	1,756.0	-6.0	32	67	1,753.4	2.6	20/08/2026	27

01/07	Việt Nam, Mỹ – Chỉ số PMI
02/07	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
03/07	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 2
09/07	Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
14/07	Mỹ – Chỉ số CPI
15/07	Việt Nam – Công bố danh mục VN30 Mỹ – Chỉ số PPI Trung Quốc – GDP Q2, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ Canada – BOC họp và công bố lãi suất
16/07	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai VN30, VN100
20/07	Trung Quốc – Lãi suất cho vay 1y, 5y Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 đơn lẻ
23/07	EU – ECB công bố lãi suất
30/07	Mỹ – FED họp và công bố lãi suất Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 (công ty mẹ, hợp nhất, tổng hợp)

THÔNG TIN VĨ MÔ

Mỹ áp đặt thuế quan mới với hàng chục quốc gia: Chính quyền Tổng thống Donald Trump ngày 24/7 áp đặt mức thuế mới 10% và 12.5% đối với 60 đối tác thương mại, ngay khi mức thuế quan toàn cầu tạm thời 10% hết hiệu lực. Theo bài viết, động thái này được đưa ra sau khi Đại diện Thương mại Mỹ kết luận một số quốc gia chưa áp đặt hoặc thực thi hiệu quả lệnh cấm nhập khẩu hàng hóa được sản xuất bằng lao động cưỡng bức.

Dữ liệu lao động và lợi suất trái phiếu Mỹ làm tăng kỳ vọng Fed nâng lãi suất: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của Mỹ trong tuần kết thúc ngày 18/7 giảm xuống còn 187,000 đơn, mức thấp nhất kể từ tháng 9/1969 và thấp hơn dự báo. Cùng lúc, lợi suất trái phiếu Mỹ tăng mạnh, với kỳ hạn 2 năm có thời điểm lên 4.37%, kỳ hạn 10 năm quanh 4.7% và kỳ hạn 30 năm lên 5.19%. Thị trường hiện dự báo khoảng 35–40% khả năng Fed tăng lãi suất ngay trong cuộc họp ngày 28–29/7.

Giá vàng trong nước giảm thêm 1 triệu đồng/lượng: Sáng 24/7, SJC niêm yết giá vàng miếng ở mức 134–139 triệu đồng/lượng, giảm thêm 1 triệu đồng/lượng so với cuối ngày trước đó. DOJI và Bảo Tín Minh Châu niêm yết giá vàng miếng tương ứng SJC. Giá vàng nhẫn trơn giữa các thương hiệu chênh lệch khá lớn, với SJC ở mức 133–138 triệu đồng/lượng. Trên thị trường quốc tế, giá vàng giao ngay quanh 4,045 USD/ounce, giảm 100 USD so với phiên trước.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

FMC - Lợi nhuận hãng tôm Sao Ta tăng 92% trong quý 2 nhờ giá nguyên liệu giảm: CTCP Thực phẩm Sao Tacông bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2026, doanh thu thuần 1,670 tỷ đồng giảm 11% so với cùng kỳ năm trước, nhưng lợi nhuận ròng tăng 92% lên gần 155 tỷ đồng nhờ giá nguyên liệu giảm và chi phí kiểm soát tốt. Biên lợi nhuận gộp lên 14.95% so với 10.51% cùng kỳ. Doanh thu tài chính tăng 41% vượt 70 tỷ đồng nhờ lãi tiền gửi.

SAS - Lợi nhuận quý II tăng gấp đôi cùng kỳ: SASCO ghi nhận lợi nhuận quý II/2026 tăng gấp đôi so với cùng kỳ, nhờ kiểm soát chi phí hiệu quả và triển khai các chương trình bán hàng nhằm gia tăng chi tiêu của hành khách tại sân bay. Doanh nghiệp cũng kỳ vọng việc hiện diện tại sân bay Long Thành sẽ tạo tiền đề mở rộng hoạt động sang nhiều sân bay khác trên cả nước. Kết quả này cho thấy mảng dịch vụ sân bay tiếp tục hưởng lợi từ sự phục hồi của lưu lượng hành khách.

DHB - Lãi 6 tháng vượt 1,000 tỷ đồng: Đạm Hà Bắc ghi nhận lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2026 tăng hơn 1,700% YoY và vượt mốc 1,000 tỷ đồng. Kết quả tăng mạnh trong bối cảnh nhóm phân bón tiếp tục ghi nhận diễn biến kinh doanh tích cực trong mùa công bố BCTC quý II. Đây là mức tăng trưởng nổi bật so với nền lợi nhuận thấp cùng kỳ năm trước.

KBC - Công ty của con gái Chủ tịch trở thành cổ đông lớn: Một công ty liên quan đến con gái Chủ tịch HĐQT Đặng Thành Tâm đã trở thành cổ đông lớn tại Kinh Bắc. Giao dịch này làm thay đổi cơ cấu sở hữu tại KBC, trong bối cảnh doanh nghiệp đang đẩy mạnh các dự án khu công nghiệp, đô thị và mở rộng sang một số lĩnh vực mới.

Khối lượng mở (Open interest)

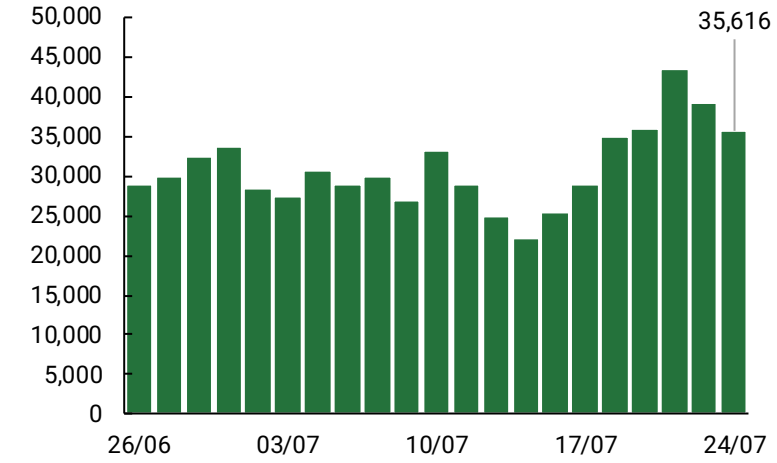

Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)

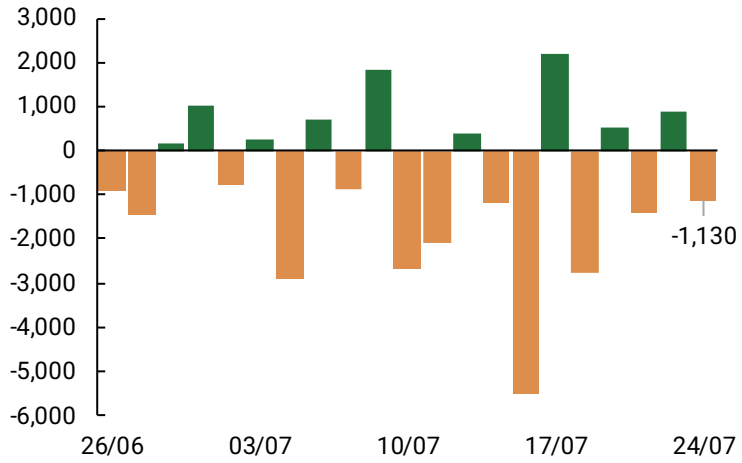

Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)

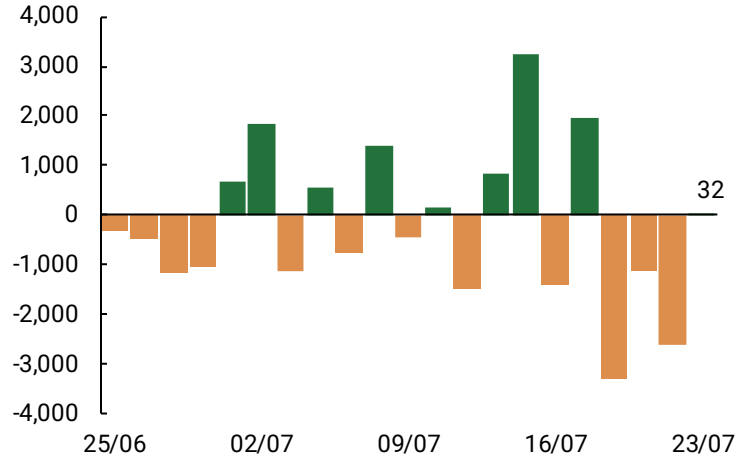

Basis hợp đồng tương lai

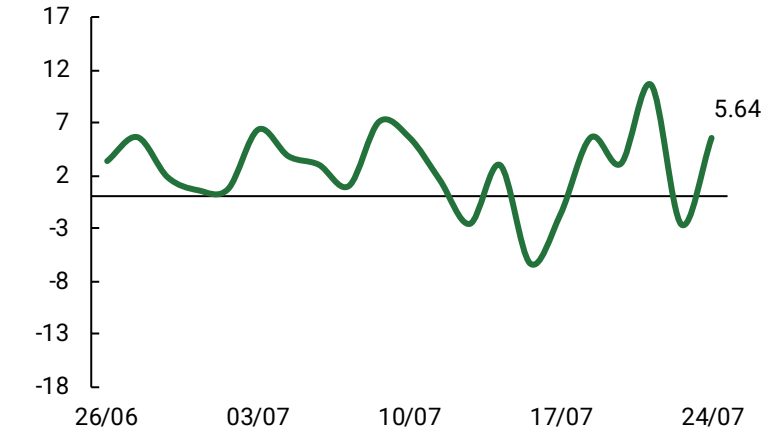

Đường cong hợp đồng tương lai

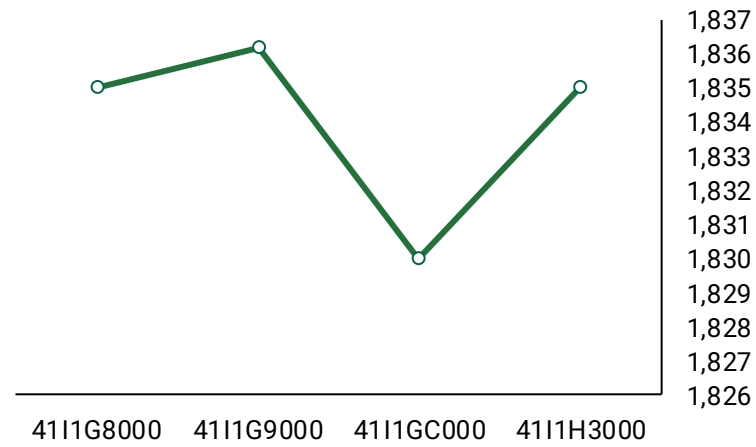

VN30F1M – VN30F2M

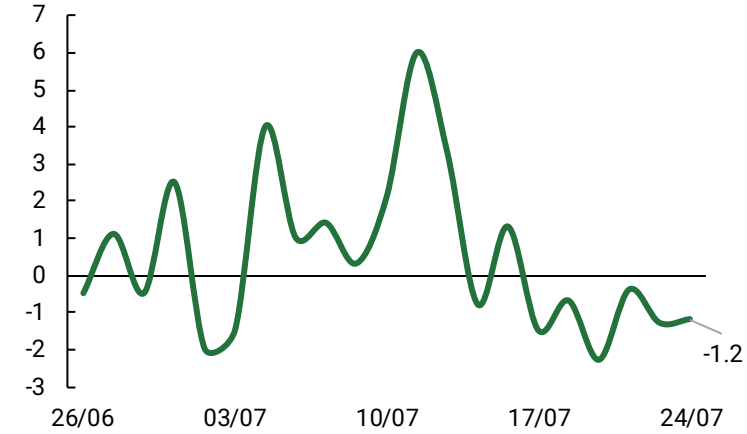

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN
DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	37,700	73,400	94.7%	Mua
CTG	29,000	40,700	40.3%	Mua
CTD	55,100	82,900	50.5%	Mua
DBD	48,200	68,000	41.1%	Mua
DDV	18,693	35,900	92.1%	Mua
DGW	33,500	47,500	41.8%	Mua
DPG	26,900	42,300	57.2%	Mua
DPR	35,750	46,500	30.1%	Mua
DRI	12,684	17,200	35.6%	Mua
EVF	12,500	14,400	15.2%	Tăng tỷ trọng
FRT	107,800	151,000	40.1%	Mua
GMD	73,200	92,700	26.6%	Mua
HAH	45,000	58,300	29.6%	Mua
HDG	16,300	30,900	89.6%	Mua
HHV	9,970	11,700	17.4%	Tăng tỷ trọng
HPG	20,800	30,700	47.6%	Mua
IMP	35,000	54,400	55.4%	Mua
KDH	17,400	38,800	123.0%	Mua
MCH	135,000	177,200	31.3%	Mua
MWG	68,000	115,600	70.0%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	21,900	33,000	50.7%	Mua
NLG	21,350	39,400	84.5%	Mua
NT2	21,300	27,700	30.0%	Mua
PHR	55,200	72,800	31.9%	Mua
PNJ	30,750	75,500	145.5%	Mua
PVS	34,200	39,900	16.7%	Tăng tỷ trọng
PVT	16,850	18,900	12.2%	Tăng tỷ trọng
POW	13,350	15,000	12.4%	Tăng tỷ trọng
SAB	46,500	57,900	24.5%	Mua
SSI	22,800	32,100	40.8%	Mua
TLG	46,100	50,000	8.5%	Nắm giữ
TCB	28,600	41,700	45.8%	Mua
TCM	17,300	35,300	104.0%	Mua
TRC	74,500	94,800	27.2%	Mua
VCB	54,100	79,700	47.3%	Mua
VPB	24,950	36,500	46.3%	Mua
VCG	15,550	23,300	49.8%	Mua
VHC	53,900	58,000	7.6%	Nắm giữ
VNM	58,900	66,650	13.2%	Tăng tỷ trọng

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801